

Bản án số: 25/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 11/10/2018

V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỖ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị An

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1 Ông Đinh Quốc Việt

2, Bà Dương Thị Thu Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Triệu Cẩm Chi - Thư ký TAND huyện Đồng Hỷ

- **Đại diện VKSND huyện Đồng Hỷ tham gia phiên tòa:** Bà Lý Thị Tuyết

- Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 10 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 145/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2018 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2018/QĐXX-ST ngày 04 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự :

- **Nguyên đơn: Chị Đặng Thị B** - sinh năm 1986 (có mặt tại phiên tòa)

HKTT: Xóm D, xã V, huyện Đ, tỉnh T

- **Bị đơn: Anh Triệu Văn D** - sinh năm 1981 (vắng mặt tại phiên tòa)

HKTT: Xóm H, xã T, huyện Đ, tỉnh T

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 24/7/2018, bản tự khai ngày 30/7/2018 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đặng Thị B trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Triệu Văn D kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy Bn nhân dân xã V, huyện Đ, tỉnh T năm 2004. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống một thời gian cùng gia đình nhà chồng, sau đó chuyển sang ở tại xóm D, xã V, huyện Đ, tỉnh T. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc cho trong khoảng 05 năm đầu thì nảy sinh mâu thuẫn do anh D mãi chơi cờ bạc, không quan tâm đến vợ con. Năm 2010, do mâu thuẫn căng thẳng nên vợ chồng sống ly thân, anh D về bên nhà bố mẹ đẻ ở xóm H, xã T, huyện Đ, tỉnh T ở cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Chị xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng chị được ly

hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Triệu Văn T, sinh ngày 01/5/2005 và Triệu Duy B, sinh ngày 17/9/2009. Từ khi vợ chồng ly thân, con lớn ở với bố, con thứ hai ở với mẹ. Khi ly hôn, chị xin được nuôi cả hai con, chị không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Vợ chồng không có khoản nợ chung nào.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn anh Triệu Văn D vắng mặt nên không cung cấp lời khai cho Tòa án. Tuy nhiên, tại các Biên bản xác minh của Tòa án tại gia đình anh Triệu Văn D, đại diện thân nhân của anh D là ông Triệu Nho Thành và bà Dương Thị L (bố mẹ đẻ của anh D) cho biết: Anh D hiện nay sinh sống trong cùng một nhà với ông bà. Anh D và chị B là vợ chồng, sau khi kết hôn có chung sống với ông bà một thời gian thì chuyển sang xã V ở. Cách đây vài năm, do mâu thuẫn vợ chồng nên anh D lại quay về sống cùng ông bà và đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về nhà. Ông bà không rõ anh D làm ăn ở đâu nhưng gia đình thường xuyên liên lạc với anh D. Hiện nay, anh D và chị B không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Anh D và chị B có 2 con chung, hiện nay con lớn ở với bố và ông bà nội, con nhỏ ở với mẹ. Sau khi ông bà nhận các văn bản của Tòa án thay cho anh D, ông bà đã liên lạc và thông báo đầy đủ nội dung các văn bản của Tòa án cho anh D biết nhưng anh D không có ý kiến gì.

Tại biên bản làm việc của Tòa án đối với cháu Triệu Văn T, cháu thể hiện nguyện vọng được ở với bố vì lý do cháu ở với bố quen rồi.

Tại đơn đề nghị của cháu Triệu Duy B, cháu có nguyện vọng ở với mẹ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều: 21, 28, 35, 147, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều: 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đặng Thị B, cho chị B được ly hôn anh D. Về con chung: giao cả hai con cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh D vì chị B không yêu cầu. Về tài sản: Không giải quyết. Về án phí: chị B phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1.] **Về tố tụng:** Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự. Trong vụ án này, bị đơn thường trú tại xóm H, xã T, huyện Đ, tỉnh T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn đến để cung cấp lời khai và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn không có mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án cũng đã hai lần tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập phiên tòa cho bị đơn nhưng tại phiên tòa lần thứ hai, anh D vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Triệu Văn D.

[2.] **Về nội dung:** Chị Đặng Thị B và anh Triệu Văn D kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy Ban nhân dân xã V, huyện Đ, tỉnh T năm 2004 nên là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Về tình trạng hôn nhân, căn cứ lời khai của nguyên đơn, căn cứ thông tin do đại diện thân nhân của bị đơn cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, có cơ sở xác định: Chị B và anh D đã chung sống vui vẻ, hạnh phúc trong những năm đầu, sau đó do mâu thuẫn vợ chồng nên chị B và anh D đã sống ly thân nhiều năm nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Khi Tòa án giải quyết vụ án, anh D có nhận được đầy đủ thông tin nhưng anh không có ý kiến gì. Điều đó cho thấy, giữa chị B và anh D không còn tình cảm vợ chồng, không còn sự quan tâm, thương yêu nhau nữa, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị B xin ly hôn, anh D mặc dù đã biết nhưng anh không có ý kiến gì bày tỏ mong muốn níu kéo cuộc hôn nhân. Tại phiên tòa, chị B vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn nên cho chị được ly hôn anh D là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam năm 2014.

Về con chung: Vợ chồng chị B, anh D có 02 con chung là Triệu Văn T, sinh ngày 01/5/2005 và Triệu Duy B, sinh ngày 17/9/2009. Hiện nay cháu T đang ở với bố và ông bà nội, cháu B đang ở với mẹ. Cháu T có nguyện vọng ở với bố vì lý do cháu ở với bố đã quen, còn cháu B có nguyện vọng ở với mẹ. Chị B có nguyện vọng được nuôi cả hai con và không yêu cầu anh D cấp dưỡng. Hội đồng xét xử thấy rằng, mặc dù cháu T có nguyện vọng ở với bố nhưng do anh D vắng mặt, không có ý kiến gì nên không có căn cứ giao con cho anh D. Do vậy, cần thiết giao cả hai con chung cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo sự phát triển mọi mặt của con khi bố mẹ ly hôn. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh D vì chị B không yêu cầu. Vì lợi

ích của con, sau khi ly hôn, các đương sự có quyền thỏa thuận hoặc có quyền khởi kiện về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc về việc cấp dưỡng nuôi con nếu thấy cần thiết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị B xác định không có. Phía bị đơn anh D không có lời khai nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Bn Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị B phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Xét quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa về tố tụng và nội dung giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Bn Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Đặng Thị B đối với anh Triệu Văn D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị B được ly hôn anh Triệu Văn D.

2. Về con chung: Giao cả hai con chung là Triệu Văn T, sinh ngày 01/5/2005 và Triệu Duy B, sinh ngày 17/9/2009 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh D vì chị B không yêu cầu. Anh D được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

* **Án phí:** Chị B phải chịu 300.000đ (B trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp ngày 27/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên theo biên lai số 0016081.

Chị B được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đồng Hỷ;
- Chi Cục THADS huyện Đồng Hỷ;
- UBND xã V, H.Đ;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Vũ Thị An